

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ MỸ THO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2019/HNGĐ-ST**  
Ngày: 28/5/2019  
*V/v tranh chấp “Ly hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tám.

2. Bà Huỳnh Thanh Trúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Ngọc Yên Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị S**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Số 182/1 đường Đinh Bộ L1, khu phố năm, Phường hai, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 86 đường Thái Sanh H, Phường tám, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn X**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 182/1 đường Đinh Bộ Lĩnh, khu phố 5, Phường 2, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06/3/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày: Chị và anh X sống chung như vợ chồng vào năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường hai, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/4/2005. Thời gian đầu chung sống đã bất đồng quan điểm, nhưng chị vẫn tìm cách khuyên ngăn. Đến năm 2015 mâu thuẫn trầm trọng do anh X tham gia cá độ đá banh, không lo làm ăn,

không lo cho gia đình, gia đình hai bên đã khuyên ngăn nhưng không được. Anh, chị đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh X.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Chí B, sinh ngày 01/02/2005 và Phạm Lê Yến L, sinh ngày 14/01/2013. Chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/cháu. Thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Văn X đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh X vẫn không cung cấp cho Tòa án ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị S. Anh X vắng mặt không lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh X là phù hợp quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Anh X không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc yêu cầu ly hôn, nuôi con của chị S và cũng không tham dự phiên tòa. Như vậy, mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị S yêu cầu ly hôn với anh X là có cơ sở đề nghị chấp nhận; về hai con chung của anh chị hiện nay đang sống với chị S, để ổn định cuộc sống sinh hoạt, học tập của cháu B và cháu L. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị S, anh X phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/2cháu; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Phạm Văn X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh X.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị S và anh Phạm Văn X có đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân Phường hai, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/4/2005, nên hôn nhân giữa chị S và anh X là hợp pháp.

Tại phiên tòa chị S yêu cầu được ly hôn với anh X và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung của chị và anh X là cháu Phạm Chí B, sinh ngày 01/02/2005 và Phạm Lê Yến L, sinh ngày 14/01/2013, chị yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/2cháu; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu của chị Lê Thị S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị S và anh X kết hôn năm 2005, chị S trình bày trong cuộc sống vợ chồng anh chị chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm thường X cãi vã nhau do anh X cá độ đá banh, không lo làm ăn, không lo cho gia đình, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, chị và anh X đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Xét thấy, trong thời gian ly thân chị S, anh X không có biện pháp nào đoàn tụ. Anh X thì không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị S và vắng mặt không dự phiên tòa để trình bày ý kiến và biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để Hội đồng xét xử xem xét, anh X không có thiện chí đối với cuộc hôn nhân này. Như vậy, hôn nhân giữa chị S và anh X đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Lê Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn X là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Chí B, sinh ngày 01/02/2005 và Phạm Lê Yên L, sinh ngày 14/01/2013. Chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/2cháu.

Xét, cháu Phạm Chí B, sinh ngày 01/02/2005 và Phạm Lê Yên L, sinh ngày 14/01/2013, chị X trình bày từ khi ly thân cho đến nay cháu B và cháu L cùng sống chung với chị, chị chăm sóc nuôi dưỡng các cháu, nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con. Cháu B có nguyện vọng được sống với mẹ, anh X thì không có ý kiến của mình về việc nuôi con để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu B và cháu L cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu B và phù hợp với quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Phạm Văn X có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị S yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/2cháu, thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B, cháu L tròn 18 tuổi là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa chị S trình bày: Chị S và anh X không có thỏa thuận được về lãi suất chậm thi hành án, nên yêu cầu áp dụng theo quy định của pháp luật dân sự được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh X phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét, Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S.

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Lê Thị S và anh Phạm Văn X.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cháu Phạm Chí B, sinh ngày 01/02/2005 và Phạm Lê Yến L, sinh ngày 14/01/2013 cho chị Lê Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Phạm Văn X có nghĩa cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/2cháu. Thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B, cháu L 18 tuổi.

Anh Phạm Văn X có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

**3. Về án phí:**

Chị Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013901 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị Lê Thị S nộp xong án phí.

Anh Phạm Văn X phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị Lê Thị S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Văn X chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**4. Chị Lê Thị S có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn X vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố MT;
- Chi cục THADS TP.MT;
- UBND phường 2, TP.MT, Tiền Giang;
- Các đương sự:
  - + Chị Lê Thị S ;
  - + Anh Phạm Văn X;
- Lưu hồ sơ vụ án-s.

**Đinh Thị Sang**